

Số: 52/2026/QĐST - DS

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 175, 176, 245, 254, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 256 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung 2025);

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2026/TLST - DS ngày 29 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông T, sinh năm: 1964. Bà T, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 825, quốc lộ 20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn: Bà K, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 821, quốc lộ 20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông V, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 7Bis, đường N, phường L, tỉnh Lâm Đồng. Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 06/02/2026.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông N, sinh năm: 2004. Địa chỉ: Số 47, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông S, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 47, đường P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo hợp đồng ủy quyền đề ngày 02/3/2026.

1.5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, bà M (chết 2008), người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà M: Các ông (bà) P, N, L, T, K, P, A, L, H. Cùng địa chỉ: Số 821, quốc lộ 20, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà K có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà T diện tích 98,1m² đất, thuộc 01 phần thửa đất số 406, tờ bản đồ số 69, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đ. tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông T, bà T đã nhận diện tích đất này theo hiện trạng.

2.2. Công nhận diện tích 98,1m² đất, thuộc 01 phần thửa đất số 406, tờ bản đồ số 69, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đ. tỉnh Lâm Đồng (theo các điểm 9 – 10 – 11 – 12 – 9) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số CL 656461, mang tên ông C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 02/3/2018. Ngày 15/3/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận trang 3 tặng cho bà K thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà T.

Chi tiết các cạnh:

Cạnh	Chiều dài (m)	Diện tích
9 - 10	19,20	98,1m ² đất (9 – 10 – 11 – 12 – 9)
10 - 11	5,11	
11 - 12	19,22	
12 - 9	5,11	

(Có họa đồ đề ngày 09/3/2026 kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

2.3. Hủy 01 phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là bà K và bên nhận chuyển nhượng là ông N, được Văn phòng Công chứng X công chứng ngày 22/01/2026, số công chứng 64/2026/HĐGD, đối với diện tích 98,1m² đất, thuộc 01 phần thửa đất số 406, tờ bản đồ số 69, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là xã Đ. tỉnh Lâm Đồng (theo các điểm 9 – 10 – 11 – 12 – 9) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số CL 656461, mang tên ông C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 02/3/2018. Ngày 15/3/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận trang 3 tặng cho bà K.

2.4. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là bà K và bên nhận chuyển nhượng là ông N, được Văn phòng Công chứng X công chứng ngày 22/01/2026, số công chứng 64/2026/HĐGD, đối với phần đất theo các điểm 1 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 12 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số CL 656461, mang tên ông C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 02/3/2018. Ngày 15/3/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận trang 3 tặng cho bà K các đương sự không tranh chấp, không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.5. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số : 04/2026/QĐ-BPKCTT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân KV 2 - LĐ.

2.6. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – L cho ông T, sinh năm: 1964, CCCD số 044064008571. Bà T, sinh năm: 1967. CCCD số 040167005449 nhận lại số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn) ông T, bà T đã nộp vào tài khoản được phong tỏa ngày 29 tháng 01 năm 2026.

2.7. Bà K có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà T số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2.8. Về chi phí tố tụng: Bà K có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà T số tiền 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.9. Về án phí:

Bà K nhận chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà K nhận chịu 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà T số tiền 300.000 án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001317 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự KV 2 - LĐ.

Hoàn trả cho vợ chồng ông T, bà T số tiền 7.500.000 án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001317 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự KV 2 - LĐ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân KV 2 - LĐ;
- Phòng THADS KV 2 - LĐ;
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – L.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Vũ

